

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2023
V/v ly hôn giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Phạm Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ninh Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Tổng Xuân T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 9 năm 2023, bản tự khai ngày 05/10/2023 nguyên đơn chị Ninh Thị N trình bày: Chị và anh Tổng Xuân T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung bình thường đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ, nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Tổng Xuân T.

Về con chung: Giữa chị và anh T có 02 con chung là Tổng Trung K, sinh ngày 16/11/2006 và Tổng Thu G, sinh ngày 10/5/2008, các con đang ở với chị,

khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con. Vì từ khi vợ chồng sống ly thân các con luôn ở với chị, anh T không nuôi, không có trách nhiệm gì với các con. Hiện nay chị đang làm nghề tự do thu nhập bình quân mỗi tháng 20 triệu đồng, có nhà ở ổn định nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Các cháu K và G cũng có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ)

Bị đơn: Anh Tống Xuân T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với ông Tống Xuân T (bố đẻ của anh T) thể hiện: Anh Tống Xuân T là con trai ông có đăng ký kết hôn với chị Ninh Thị N tại UBND xã T vào năm 2006. Sau khi kết hôn anh T và chị N có 02 con chung là cháu Tống Trung K, sinh năm 2006 và cháu Tống Thu G, sinh năm 2008, hiện các cháu đang ở với chị N. Quá trình anh T và chị N chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm với nguyên nhân gì ông không nắm được. Nay chị N xin ly hôn anh T là chuyện riêng của vợ chồng anh T ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Ninh Thị N và anh Tống Xuân T.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao các con chung là cháu Tống Trung K, sinh ngày 16/11/2006 và cháu Tống Thu G, sinh ngày 10/5/2008 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ninh Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được

chấp nhận. Anh Tổng Xuân T đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, tại phiên tòa lần thứ 2 anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị N và anh Tổng Xuân T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 03/01/2006 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh chị sống ly thân đã lâu không đoàn tụ lại. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Tổng Xuân T biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị N.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Tổng Xuân T của chị Ninh Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Tổng Trung K, sinh ngày 16/11/2006 và cháu Tổng Thu G, sinh ngày 10/5/2008, hiện các cháu đang ở với chị N.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, chị N có nguyện vọng tiếp tục, trực tiếp nuôi các con. Hiện chị có chỗ ở và việc làm ổn định đủ điều kiện nuôi các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Các cháu K và G cũng có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị N không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là cháu Tổng Trung K và cháu Tổng Thu G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ninh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ninh Thị N và anh Tống Xuân T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là cháu Tống Trung K, sinh ngày 16/11/2006 và cháu Tống Thu G, ngày 10/5/2008 cho chị Ninh Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Ninh Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0000583, ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh